TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2023/HSST
Ngày: 25/10/2023.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Trọng Dĩu**
Ông Ngô Đức Cường

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Anh Quang – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 233/2023/HSST ngày 05/10/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2023/QĐXXST- HS ngày 11/10/2023 đối với bị cáo:

Trần Hữu T, sinh năm 2002; Giới tính: nam; HKTT: Thôn KLT, QM, VY, BG; Nơi ở: lang thang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 08/12; Con ông: không; Con bà: Trần Thị V, sinh năm 1979; Vợ con: Chưa; Tiền án, tiền sự: 02 tiền án:

Ngày 16/12/2020, bị Tòa án nhân dân quận NTL, HN xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 07/5/2021.

Ngày 26/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện VY, BG xử phạt 01 năm 03 tháng tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 03/12/2022.

Nhân thân:

Ngày 28/6/2019, bị Tòa án nhân dân quận TX, HN xử phạt 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

Ngày 27/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện VY, BG xử phạt 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 26/3/2020.

Danh chỉ bản số 395 ngày 29/6/2023 do Công an quận CG, Thành phố HN lập; Bị cáo đầu thú ngày 20/6/2023 tại Công an phường NĐ, quận CG; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội. (có mặt)

Bị hại: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1997; Trú tại: PL, MC, SL. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau:

Trần Hữu T1 làm nhân viên văn phòng ở Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại ATP, địa chỉ số 09 ngõ 36 HQV, NĐ, CG, HN. Quá trình làm việc tại công ty T biết anh Bàn Văn T1 (sinh năm: 1997; HKTT: PL, MC, SL) sử dụng điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh và đi xe máy Yamaha Exciter màu đen BKS: 26G1-334.05. Do vay nợ không có tiền trả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh T1 để lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 09/6/2023, T giả vờ hỏi mượn anh T1 chiếc điện thoại để ngồi chơi game, anh T1 đồng ý. T đợi anh T1 ngủ rồi đi ra bàn làm việc lấy chìa khóa xe máy của anh T1 rồi đi xuống tầng 1 dắt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, BKS: 26G1-334.05 ra ngoài, nổ máy và điều khiển xe đi tìm nơi bán. Thắng điều khiển xe đến đường NKT, QH, CG, HN thì gặp một người đàn ông không quen biết và bán lại cho người này chiếc xe máy với giá 9.000.000 đồng và chiếc điện thoại với giá 3.500.000 đồng. Tổng số tiền T bán xe máy và điện thoại được 12.500.000 đồng. T đã sử đụng để chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn. Cùng ngày, anh T1 trình báo lên Công an phường NĐ. Ngày 20/6/2023, T lên Công an phường NĐ đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 258/TCKH-BBĐGHĐ ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Cầu Giấy kết luận: 01 chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu đen BKS: 26G1-334.05, số khung: RLCUG1010NY367704, số máy: G3D4E1138743 trị giá 38.006.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Pro 64 GB màu xanh có giá 6.856.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 44.862.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter màu đen, BKS: 26G1-334.05 và chiếc điện thoại Iphone 11 Pro 64 GB màu xanh, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận CG đã ra quyết định truy tìm vật chứng nhưng chưa thu hồi được tang vật.

Về dân sự, bị hại anh Bàn Văn T1 yêu cầu Trần Hữu T bồi thường số tiền 44.562.000 đồng.

Cáo trạng số 238/CT-VKSCG ngày 03/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS và tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ lời khai của bị cáo, người bị hại, vật chứng đã thu giữ, có đủ căn cứ kết luận: Trần Hữu T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Trần Hữu T từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 60 tháng đến 72 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 44.862.000 đồng.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát luận tội, bị cáo bào chữa: Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng đã thu giữ. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 09/6/2023, Trần Hữu T đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếc điện thoại Iphone 11 Pro 64 GB màu xanh có giá 6.856.000 đồng của anh Bàn Văn T1 tại số 09 ngõ 36 HQV, NĐ, CG, HN. Cùng ngày, Trần Hữu T còn có hành vi Trộm cắp tài sản 01 chiếc xe máy Yamaha Exciter màu đen BKS: 26G1-334.05 trị giá 38.006.000 đồng của anh Bàn Văn T1. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 44.862.000 đồng.

Xét thấy hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo có 04 tiền án về tội " trộm cắp tài sản", trong đó có 02 tiền án (Ngày 28/6/2019, bị TAND quận TX, HN xử phạt 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" và ngày 27/6/2019 bị TAND huyện VY, BG xử phạt 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản") khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy hai tiền án này không tính tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Đối với 02 tiền án (Ngày 16/12/2020, bị TAND quận NTL, Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" và ngày 26/11/2021, bị TAND huyện VY, BG xử phạt 01 năm 03 tháng tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản") chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp " tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng đã có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện bị cáo không chịu lao động, rèn luyện, sửa chữa mà liên tục phạm tội, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục và cải tạo bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, đầu thú. Vì vậy, cần nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bàn Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường tài sản bị cáo chiếm đoạt nhưng không thu hồi được với số tiền là 44.862.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu của anh T1 là chính đáng cần chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T1 số tiền trên.

Đối với đối tượng đã mua lại chiếc xe máy và chiếc điện thoại của Trần Hữu T, T không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải T đến nơi đã bán xe và điện thoại nhưng không xác định được đối tượng mua nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Bị cáo được quyền kháng cáo và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐINH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và " Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Hữu T 36** (ba sáu) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", **30** (ba mươi) tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **66** (sáu mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo phải trả cho anh Bàn Văn T1 44.862.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, người yêu cầu thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên thi hành án có quyền yêu cầu bên phải thi hành án trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.243.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi ba đồng) án phí dân sự.

Bị cáo, anh Bàn Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Viện kiểm sát ND quận Cầu Giấy;
- Công an quận Cầu Giấy;
- Chi cục THA quận Cầu Giấy;
- L- u hồ sơ.

Nguyễn Quốc Tuấn